TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Dương Văn Mạo.**

2. Ông **Nông Ngọc Hóa.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ma Văn Chung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Hữu Học** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thu H**, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn NP, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Hữu M**, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn NP, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 06/9/2018, bản tự khai ngày 03/01/2019, biên bản hòa giải ngày 21/02/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với chồng là anh Hoàng Hữu M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 20/6/2011. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Sau khi có con vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chị H đi

làm còn anh M ở nhà trông con thì thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu. Khi con đến tuổi đi học thì chị có thuê người trông con và anh M có đi tìm việc làm nhưng anh M không chịu khó làm việc. Do con còn nhỏ, hoàn cảnh khó khăn đến tháng 8/2014 chị H chuyển công tác về gần nhà nhưng vợ chồng càng phát sinh mâu thuẫn. Anh M thường xuống trường dọa nạt, gây áp lực cho chị H. Mỗi khi uống rượu say anh M đập phá đồ đạc trong nhà. Hai mẹ con chị H luôn sống trong sự lo sợ, con không chú tâm vào học hành nên kết quả cuối năm học không được tốt. Ngày 21/12/2018, tổ hòa giải thôn NP, xã M đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng hòa giải không thành. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn chị H xin được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 27/10/2011 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường). Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung:

- *Về tài sản chung:* Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị H xác định không vay nợ ai và không cho ai nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019, biên bản hòa giải ngày 21/02/2019 bị đơn anh Hoàng Hữu M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó cuộc sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng trong sinh hoạt. Tuy nhiên, mâu thuẫn hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019 anh M không nhất trí ly hôn, mong được đoàn tụ cùng chị H để chăm lo cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, tại phiên họp hòa giải ngày 21/02/2019 thì anh M nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh M và chị H có 01 con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 27/10/2011 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường). Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến năm 18 tuổi và anh M không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung:

- *Về tài sản chung:* Anh M khai hai vợ chồng không có tài sản chung.

- *Về vay nợ chung:* Anh M và chị H không vay nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về nghề nghiệp và thu nhập: Anh M khai làm nghề lao động tự do thu nhập hàng tháng từ 5.000.000^{đ} *(Năm triệu đồng)* đến 6.000.000^{đ} *(Sáu triệu đồng).*

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2019 và tại phiên tòa con chung của chị H và anh M, cháu Hoàng Anh T trình bày: Cháu đang sống với mẹ Hoàng Thu H, khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với mẹ vì mẹ chăm sóc tốt hơn bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn anh Hoàng Hữu M mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự được quy định Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thu H. Chị Hoàng Thu H được ly hôn anh Hoàng Hữu M.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung Hoàng Anh T sinh ngày 27/10/2011 cho chị Hoàng Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Hoàng Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Hữu M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thu H và anh Hoàng Hữu M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ngày 20/6/2011. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh M không chịu khó làm ăn hay chửi mắng chị H; mâu thuẫn đã xảy ra trong một khoảng thời gian dài và hai bên không thể tự hòa giải để giải quyết được mâu thuẫn. Ngày 21/12/2018, tổ hòa giải của thôn NP, xã M, huyện

B đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M nhưng hòa giải không thành.

Về phía chị H trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, chị H không còn tình cảm với anh M nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về phía anh M tại biên bản lấy lời khai anh M không nhất trí ly hôn, mong được đoàn tụ cùng chị H để chăm lo cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, tại phiên họp hòa giải ngày 21/02/2019 thì anh M nhất trí ly hôn với chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của chị H và anh M, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi sinh sống của vợ chồng chị H và anh M, kết quả xác minh đều thể hiện: Chị H và anh M kết hôn với nhau năm 2011. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sinh sống tại thôn NP, xã M, huyện B. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 02/2018 trở đi thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là nhiều lần anh M đi uống rượu về chửi mắng chị H và không chịu khó làm ăn. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được tổ hòa giải của thôn NP, xã M tổ chức hòa giải vào ngày 21/12/2018 nhưng kết quả hòa giải không thành. Hai vợ chồng chị H và anh M không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2018 cho đến nay, trong suốt thời gian này hai bên không quan tâm đến nhau, không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án như lấy lời khai, phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh M không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thu H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Hai vợ chồng chị H và anh M có 01 con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 27/10/2011 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường). Khi ly hôn chị H và anh M đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và đều không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải căn cứ vào các yếu tố để đảm bảo tất cả quyền lợi của con chung, con chung phải được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt nhất.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Con chung của chị H và anh M sinh ngày 27/10/2011, hiện nay đã trên bảy tuổi và nguyện vọng của con chung khi bố mẹ ly hôn là được sống với mẹ là chị Hoàng Thu H vì mẹ chăm sóc tốt hơn bố. Bên cạnh đó, chị H là giáo viên thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 7.500.000^{đ} *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) (Theo bảng lương 03 tháng gần đây nhất của chị*

H). Anh M lao động tự do thu nhập không ổn định, thu nhập mỗi tháng từ 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* đến 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng). (Đây là lời khai của anh M không có căn cứ để chứng minh)*. Trên cơ sở nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi con của các bên đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị H.

[4] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thu H và anh Hoàng Hữu M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Hai vợ chồng chị H và anh M không vay nợ ai và không cho ai nợ.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thu H. Chị Hoàng Thu H được ly hôn anh Hoàng Hữu M.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 27/10/2011 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho chị Hoàng Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hoàng Hữu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thu H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03643 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Anh Tuấn